

VŨ THỊ ẨM

Giáo trình **Tiếng Việt**

TẬP MỘT

NGŨ ÂM

TỪ VỰNG



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ THỊ ÂN

Giáo trình Tiếng Việt

TẬP MỘT

NGŨ ÂM
TỪ VỰNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình tiếng Việt tập 1 được biên soạn theo chương trình bộ môn Việt ngữ học dành cho hệ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Mầm non, Tiểu học, Giáo dục chuyên biệt và Ngoại ngữ ở trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản, tinh giản và hiện đại về các đơn vị ngữ âm, từ vựng tiếng Việt hiện đại; đồng thời cũng giới thiệu những định hướng rèn luyện các biện pháp phân tích ngôn ngữ trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông.

Sách gồm hai phần. **Phần thứ nhất**, trình bày những kiến thức về ngữ âm và ngữ âm tiếng Việt hiện đại. **Phần thứ hai**, trình bày về từ vựng tiếng Việt. Giáo trình được biên soạn theo hướng tăng cường tính thực hành nên cuối mỗi chương, mỗi phần đều có câu hỏi và bài tập giúp người học củng cố và nắm chắc hơn các vấn đề lý thuyết. Phần gợi ý giải bài tập ở cuối sách giúp người học có sự đối chiếu tự đánh giá kết quả.

Tác giả trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các nhà văn, nhà thơ có công trình, tác phẩm trích dẫn trong tài liệu này. Tác giả cũng xin cảm ơn Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) đã tạo điều kiện để cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc biên soạn nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của quý bạn đọc.

TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

NGŨ ÂM TIẾNG VIỆT

I. KHÁI QUÁT VỀ NGŨ ÂM HỌC

1. Ngữ âm và ngữ âm học

1.1. Ngữ âm

Ngữ âm là cách gọi tắt của âm thanh ngôn ngữ – một loại âm thanh đặc biệt do con người phát ra dùng để giao tiếp và tư duy (khi nghĩ thầm, vẫn xuất hiện các từ với hình thức âm thanh của chúng).

Ngữ âm bao gồm các âm, các thanh, các cách kết hợp âm thanh và giọng điệu ở trong một từ, một câu của một ngôn ngữ.

1.2. Ngữ âm học

Ngữ âm học là khoa học về ngữ âm, chuyên nghiên cứu mặt tự nhiên của âm thanh ngôn ngữ. Ngữ âm học liên quan đến các phân ngành khác của ngôn ngữ học như từ vựng học, ngữ pháp học, từ ngữ học. Nó giúp cho việc dạy học đọc, học viết nói chung và trị liệu cho những người bị dị tật về ngôn ngữ nói riêng.

Nói đến *ngữ âm học* đồng thời phải nói đến *âm vị học* – một ngành khoa học song song với ngữ âm học chuyên nghiên cứu mặt xã hội của âm thanh ngôn ngữ. (Chẳng hạn, ngữ âm học nghiên cứu âm “a” có cấu tạo thế nào, nó được phát âm ra sao, còn âm vị học phân tích, so sánh để chỉ ra giá trị của âm “a” khác với âm “i”, “u”... do cộng đồng ngôn ngữ quy định).

2. Cơ sở của ngữ âm

Cơ sở của ngữ âm còn gọi là bản chất của ngữ âm, bao gồm mặt tự nhiên và mặt xã hội của ngữ âm.

2.1. Cơ sở tự nhiên

2.1.1. Cơ sở vật lý

Giống như âm thanh của tiếng gió, tiếng suối, tiếng xe chạy, tiếng gà gáy,... ngữ âm cũng có cơ sở vật lý của nó (còn gọi là mặt âm học của ngữ âm). Như các âm thanh khác, âm thanh ngôn ngữ được phân biệt bởi các yếu tố: *cường độ, cao độ, trường độ và âm sắc*.

Về cường độ, phụ âm phát âm mạnh hơn nguyên âm.

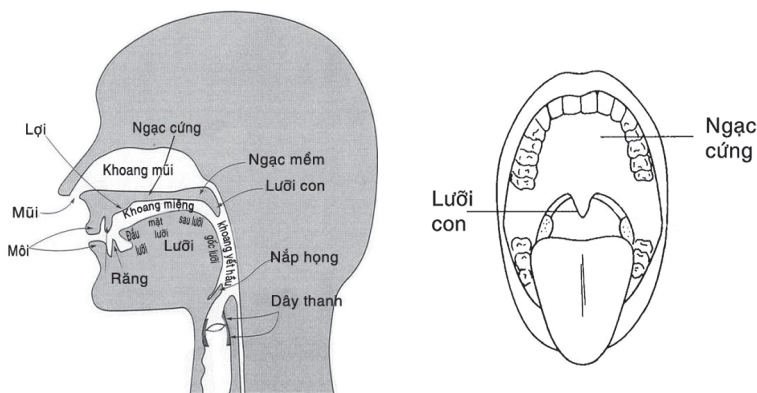
Về cao độ, các nguyên âm không tròn môi bổng hơn các nguyên âm tròn môi.

Về trường độ, có những nguyên âm có độ dài ngắn khác nhau. Chẳng hạn, trong tiếng Việt, nguyên âm /ă/ (á) và /ã/ (ớ), trong tiếng Anh nguyên âm /u/ có thời gian phát âm ngắn hơn các nguyên âm khác.

Về âm sắc: âm sắc là vẻ riêng của âm thanh giúp phân biệt được giọng người này với người kia cũng như phân biệt được các tiếng khác nhau, ví dụ: tiếng *hoà* khác với tiếng *hoá*, âm /t/ khác với âm /s/.

2.1.2. Cơ sở sinh lí

Khác với âm thanh của tiếng gió thổi, tiếng suối chảy, tiếng xe chạy, tiếng chim hót... ngữ âm có cơ sở sinh lí của nó (còn gọi là mặt cấu âm). Bởi lẽ âm thanh ngôn ngữ được phát ra là nhờ vào sự vận hành của cơ quan hô hấp, cơ quan phát âm dưới sự điều khiển của trung ương thần kinh. Muốn phát âm được phải có hơi. Hơi được chứa trong hai lá phổi. Luồng hơi từ phổi thoát ra làm cho dây thanh trong khoang thanh hầu rung động tạo nên những sóng âm. Những sóng âm này có tần số khác nhau được cộng hưởng ở khoang hầu, khoang miệng, hay khoang mũi tạo ra những âm khác nhau. Việc phân loại âm vị đoạn tính hay âm vị siêu đoạn tính⁽¹⁾ nguyên âm hay phụ âm là dựa trên cơ sở này. Dưới đây là hình vẽ các bộ phận bộ máy phát âm của con người:



⁽¹⁾ Các đơn vị ngữ âm có thể phân tách trong chuỗi lời nói, ví dụ âm tiết *tám* được phân tách từ chuỗi *Con của tám cẳng*, các âm t, a, m được phân tách từ âm tiết *tám* – âm tiết *tám*, các âm t, a, m là các đơn vị đoạn tính; Các đơn vị không thể tách thành đoạn mà luôn gắn liền với các đơn vị đoạn tính, ví dụ *thanh sắc* trong tiếng *tám* được thể hiện đồng thời với các âm t, a, m, ngữ điệu gắn liền với cả chuỗi *Con của tám cẳng* – thanh điệu, ngữ điệu là các đơn vị siêu đoạn tính).

2.2. Cơ sở xã hội

Mặt xã hội của âm thanh ngôn ngữ chính là tính quy ước của nó. Chức năng khu biệt của âm thanh ngôn ngữ được xác định từ sự quy ước của một cộng đồng ngôn ngữ. Vì thế, mỗi ngôn ngữ có một hệ thống ngữ âm riêng, có những yếu tố âm thanh có mặt trong ngôn ngữ này, nhưng lại không được chọn dùng trong ngôn ngữ kia. Ví dụ (VD): tiếng Anh có phụ âm /θ/ (trong *think* /θɪŋk/ - *nghĩ*), còn tiếng Việt không có phụ âm này; đặc trưng ngữ âm của phụ âm /ð/ với /d/ có giá trị khu biệt đối với người Anh (*father* /'fa:ðə/ - *cha* khác *deep* /di:p/ - *sâu*) nhưng lại không có giá trị khu biệt đối với người Việt. Trong hệ thống phụ âm đầu của tiếng Việt có phụ âm /d/, tiếng Hoa không có phụ âm này. Hay tiếng Việt có sử dụng thanh điệu, các ngôn ngữ châu Âu không dùng thanh điệu, v.v...

Mỗi ngôn ngữ cũng có quy ước riêng về kiến trúc ngữ âm (kết hợp các âm). Ví dụ, tiếng Anh có phụ âm kép: *class* /klas:s/ - *lớp học*, *glass* /glas:s/ - *kính*. Tiếng Việt hiện đại, phụ âm không phân bố cạnh một phụ âm khác. Tiếng Anh, phụ âm /d/, /l/ có phân bố cuối một từ (VD: *hard*, *beautiful*), tiếng Việt thì không, v.v...

Mỗi ngôn ngữ có sự lựa chọn những biến dạng khác nhau. Ví dụ: tiếng Anh phân biệt /u:/ (*school*) - /ʊ/ (*foot, book*); /ɔ:/ (*morning*) - /ɒ/ (*top, rock*), trong tiếng Việt, không có nét khu biệt này. Tiếng Việt phân biệt /a/ và /ă/ (ã), tiếng Anh lại không chọn nét khu biệt này.

3. Một số khái niệm cơ sở

3.1. Âm tố

Âm tố là đơn vị ngữ âm nhỏ nhất không thể phân chia được nữa của lời nói. VD: tập hợp âm thanh [ta] (*ta*) có thể phân tách thành 2 âm tố [t] và [a], các âm tố [t] và [a] không thể phân chia nhỏ nữa. Để ghi kí hiệu âm tố, người ta đặt nó trong dấu ngoặc vuông [...]. Dựa vào đặc trưng âm học và đặc điểm cấu âm, âm tố được phân loại thành nguyên âm, phụ âm và bán âm.

3.1.1. Nguyên âm

Nguyên âm là những âm khi phát âm, luồng hơi thoát ra ngoài một cách tự do có chu kì và tần số xác định.

Khi phân tích nguyên âm, người ta dựa vào các tiêu chí: chiều hướng (vị trí) của lưỡi, độ mở của miệng, hình dạng của môi và độ dài của nguyên âm.

a) *Chiều hướng của lưỡi* (lưỡi nhích lên trước hay lùi về sau) cho biết hình dáng của các hộp cộng hưởng. Dựa vào tiêu chí này, nguyên âm được chia thành 3 nhóm:

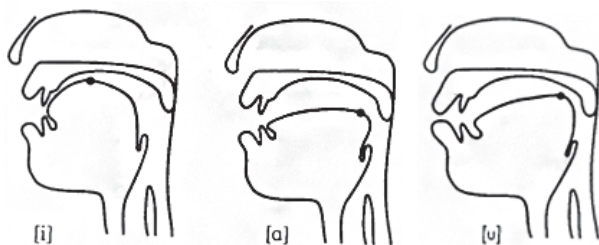
- Nguyên âm dòng (hàng) trước như [i], [e], [ɛ] trong tiếng Việt.
- Nguyên âm dòng giữa như [ɪ] (ы) trong từ *мы* (tôi) trong tiếng Nga.
- Nguyên âm dòng sau như [u], [o], [ɔ] trong tiếng Việt.

b) *Độ mở của miệng* cho biết thể tích của khoang miệng. Độ mở khác nhau có các nguyên âm khác nhau:

- Nguyên âm hẹp (như [i], [u] trong tiếng Việt).
- Nguyên âm hơi hẹp (như [e], [o]).
- Nguyên âm hơi rộng (như [ɛ], [ɔ]).
- Nguyên âm rộng (như [a], [ã]).

Độ mở của miệng gắn liền với *độ nâng của lưỡi*: độ nâng của lưỡi thấp thì độ mở của miệng rộng (như [a], [ã]), độ nâng của lưỡi cao thì độ mở của miệng hẹp (như [i], [u]).

Có thể hình dung về điều vừa nêu qua vài hình vẽ dưới đây:



c) *Hình dạng của môi*: khi phát âm nếu chún tròn nhô ra phía trước, đó là nguyên âm tròn môi (như [u], [o], [ɔ]); nếu môi ở tư thế bình thường, đó là nguyên âm không tròn môi (dẹt, như [ɛ], [a], [ʊ]).

d) *Độ dài của nguyên âm* cho biết thời gian phát âm. Dựa vào tiêu chí này, nguyên âm được chia làm 2 loại:

- Nguyên âm dài như [u], [u], [a].
- Nguyên âm ngắn như [ă], [ă] trong tiếng Việt; [ʊ], [ɒ] trong tiếng Anh.

đ) *Độ trầm bổng* cũng là một tiêu chí để so sánh nguyên âm này với nguyên âm kia. Nó phụ thuộc vào vị trí của lưỡi, hình dạng của môi. Các nguyên âm dòng sau trầm hơn nguyên âm dòng trước, các nguyên âm không tròn môi bổng hơn các nguyên âm tròn môi.

Nguyên âm còn được phân thành nguyên âm đơn và nguyên âm đôi. Nguyên âm đôi là sự kết hợp của hai yếu tố, trong đó có yếu tố nổi bật hơn và một yếu tố đọc lướt. Ví dụ: [ai] – *my*; [ei] – *table* (trong tiếng Anh); [yay] – *eu*, [oy] – *ou* (trong tiếng Nga); [ie] – *tiên*, [uo] – *tuổi* (trong tiếng Việt).

3.1.2. Phụ âm

Là những âm khi phát âm, luồng hơi thoát ra gặp sự cản trở (sự thu hẹp của dây thanh, sự chặn lại bởi đầu lưỡi chạm vào chân răng hay sự khép lại của hai môi...), phải phá chỗ cản hoặc lách qua khe hở để thoát ra, có tần số không ổn định,

Khi phân tích phụ âm, người ta dựa vào 3 tiêu chí, đó là: phương thức phát âm, vị trí phát âm và sự hoạt động của dây thanh.

a) *Phương thức phát âm* cho biết luồng hơi thoát ra bị cản trở như thế nào. Dựa vào tiêu chí này, phụ âm được chia thành 3 loại:

- *Phụ âm tắc* (khi phát âm, luồng hơi thoát ra bị cản hoàn toàn như [t], [k], [b], [m], [d], [ŋ]);
- *Phụ âm xát* (khi phát âm, luồng hơi thoát ra bị cản không hoàn toàn như [f], [s], [v], [z]);
- *Phụ âm rung* (khi phát âm, luồng hơi thoát ra bị cản từng đợt như [r] trong tiếng Anh, Nga).

b) *Vị trí phát âm* cho biết luồng hơi thoát ra bị cản ở điểm nào, ở môi, lưỡi hay khoang hầu mà ta có các phụ âm khác nhau:

- *Phụ âm môi* (như [b], [m], [f], [v] trong tiếng Việt).

- *Phụ âm lưỡi* (như [n], [s], [t], [d]).
- *Phụ âm họng* (như [h]).

c) *Thanh tính* cho biết hoạt động của dây thanh khi phát âm phụ âm. Dây thanh hoàn toàn không rung là *phụ âm vô thanh* (như [t], [k], [f], [s] trong tiếng Việt, tiếng Anh); dây thanh rung nhưng rung ít, tỉ lệ tiếng thanh thấp là *phụ âm hữu thanh* (như [b], [d], [v] trong tiếng Việt); dây thanh rung nhiều tỉ lệ tiếng thanh cao là *phụ âm vang* (như [m], [n], [l]).

Dưới đây là một vài hình vẽ minh họa.



tắc, môi - môi



tắc, môi - răng



tắc, đầu lưỡi - răng



tắc, đầu lưỡi-lợi



tắc, đầu lưỡi
- ngạc cứng



xát, mặt lưỡi



tắc, góc lưỡi
- ngạc mềm



tắc, góc lưỡi
- lưỡi con

3.1.3. *Bán âm* (gọi đầy đủ là *bán nguyên âm* hoặc *bán phụ âm*)

Là những âm có đặc điểm cấu âm - âm học giống nguyên âm nhưng chức năng giống phụ âm: không làm hạt nhân của âm tiết, chỉ có thể đứng trước hoặc sau đỉnh âm tiết, phát âm lướt nhẹ hơn nguyên âm.

Ví dụ: trong âm tiết *khuyết* có bán âm [ɥ] đứng trước và sau nguyên âm [i].

3.2. Âm vị

Là đơn vị ngữ âm nhỏ nhất có chức năng khu biệt. Trong tiếng Việt, tập hợp âm thanh *ta* khác *ma*, khác *ca*... bởi sự có mặt hay không có mặt của âm /t/, /m/, /k/.

3.2.1. Đặc tính khu biệt của âm vị

Âm vị chỉ bao gồm các đặc trưng khu biệt. Nó loại trừ những nét không khu biệt và những dấu ấn cá nhân. Âm /u/ trong các âm tiết *chú*, *chúc* khi phát âm có thể khác nhau, mỗi người phát âm âm /u/ khác nhau, đó là các âm tố [u]. Điểm khác nhau ấy không có chức năng khu biệt nó với các âm khác. Đặc trưng khu biệt của âm /u/ trong tiếng Việt là dòng sau, hẹp, tròn môi. Các đặc trưng này khiến nó khác âm /a/ (rộng, không tròn môi), khác âm /o/ (hơi hẹp), khác âm /ε/ (dòng trước, rộng, không tròn môi). Vì thế, âm vị còn được định nghĩa là *tổng thể của những đặc trưng khu biệt được thể hiện đồng thời*. Để ghi kí hiệu âm vị, người ta đặt nó trong dấu xiên đứng /.../.

3.2.2. Mối quan hệ giữa âm vị và âm tố

Âm vị trừu tượng, được hiện thực hoá qua âm tố (qua động tác phát âm cụ thể). Âm vị /u/ trong âm tiết *u* (*u tối*) được phát âm tự do đúng với cấu tạo âm thanh của nó (dòng sau, hẹp, tròn môi); trong âm tiết *tu*, [u] có xu hướng nhích về phía trước do ảnh hưởng của phụ âm /t/ (phụ âm đầu lưỡi); trong tiếng *tung*, /u/ lại bị ngăn lại [ũ] do tác động của âm /k/ (phụ âm gốc lưỡi) đi sau. Sự thể hiện của âm vị trong những âm tố cụ thể có khi là tiêu thể (ít chịu sự chi phối của hoàn cảnh ngữ âm), có khi là biến thể (sự thể hiện bị chi phối của bối cảnh ngữ âm). Chẳng hạn, âm /u/ trong âm tiết *ủ*, *xui*, *chùn* được thể hiện qua âm tố [u] tiêu thể; trong âm tiết *túc*, *đúng* lại được thể hiện qua một âm tố [ũ] rút ngắn. Trường hợp âm vị được thể hiện bằng nhiều âm tố gọi là biến thể của âm vị. Có 3 loại biến thể: biến thể tự do, biến thể địa phương và biến thể kết hợp.

– *Biến thể tự do* gắn với cách phát âm của mỗi người nên còn gọi là biến thể cá nhân. Người này phát âm âm [a] sâu hơn, người kia phát âm âm [a] có xu hướng tròn môi, người nọ lại phát âm âm này hẹp hơn, v.v...; hay phụ âm /ɣ/ có người phát âm sâu hơn như phụ âm họng trong khi nó là phụ âm gốc lưỡi.

– *Biến thể địa phương* gắn với cách phát âm của mỗi vùng miền. Chẳng hạn, âm /z/ trong tiếng Việt được phát âm thành /ɣ/ (*rổ rá* → *gổ gá*) là cách phát âm của cư dân vùng bờ nam sông Hậu. Âm /ă/ được phát âm thành /ε/ như *thăm* (*hỏi*) đọc thành *them*, *lấp* (*ghép*) → *láp*, hay được phát âm thành âm /a/ như *lầu tầu* đọc thành *láo táo*,

bay nhảy → *bai nhải*; /a/ phát âm thành /o/ như *nam* → *nôm*, *cáp* → *cốp* gần với cư dân Quảng Ngãi, v.v. Có nơi, *trẻ trung* đọc thành *tẻ tung* (/ʈ/ → /t/); hay *lệt bệt* đọc thành *lợt bợt* (/e/ → /ɤ/); *chan chát* → *chang chác* (/ -n/, / -t/ → / -ŋ/, / -k/); *nặng nề* → *lặng lẽ* (/n/ → /l/), v.v...

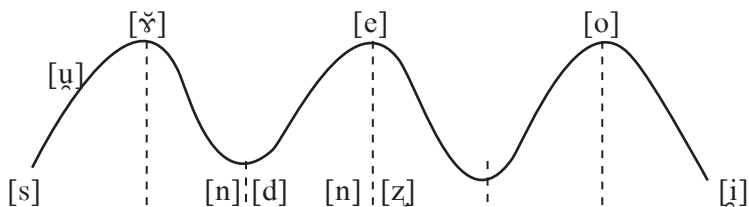
– *Biến thể kết hợp* xảy ra do sự chi phối ảnh hưởng lẫn nhau của các âm phân bố cạnh nhau. Âm /u/ trong tiếng Việt không phải là nguyên âm ngắn, khi kết hợp với âm /-k/ (vần *uc*) bị rút ngắn và âm /k/ không phải là phụ âm môi lại phát âm như một phụ âm môi – bị môi hoá [k^p]⁽¹⁾. Hay phụ âm /-k/ khi đứng sau nguyên âm dòng trước bị biến thể ngạc hoá [K] (vần *ích, éch, ách*...).

II. ÂM TIẾT TIẾNG VIỆT

1. Khái niệm

Âm tiết là đơn vị phát âm tự nhiên nhỏ nhất của lời nói.

Ví dụ: chuỗi lời nói *Xuân / đến / rồi* gồm 3 âm tiết *xuân, đến, rồi* /xu̯ɤ̌n¹/, /den⁵/, /zoi²/ (số 1 là kí hiệu thanh không, số 5 là kí hiệu *thanh sắc*, số 2 là kí hiệu *thanh huyền* – xem III.1.5. *Hệ thống thanh điệu*). Phát âm chậm hay nhanh, người Việt nào cũng dễ dàng nhận ra ranh giới giữa các âm tiết trên. Khi phát âm âm tiết, các cơ của bộ máy phát âm căng lên rồi chùng xuống qua ba giai đoạn: Giai đoạn tăng độ căng → đỉnh điểm của độ căng → giảm độ căng và kết thúc (theo sơ đồ hình sin). Lặp đi lặp lại quá trình này, ta sẽ được một chuỗi âm tiết. Chuỗi lời nói *Xuân đến rồi* [xu̯ɤ̌n¹], [den⁵], [zoi²] có thể hình dung qua sơ đồ sau:



(Đường nét đứt đậm là ranh giới âm tiết; đường nét đứt mảnh là đỉnh âm tiết)

⁽¹⁾ Trong tiếng Việt, /-k/ không phải là phụ âm môi, nhưng khi đứng sau nguyên âm tròn môi /u, o, ɔ/, nó được đọc như phụ âm môi /p/.

2. Đặc điểm

Trong các ngôn ngữ Ấn – Âu, so với âm vị và hình vị, âm tiết chỉ là vấn đề thứ yếu vì việc nghiên cứu âm vị bắt đầu từ hình vị. Trong tiếng Việt lại khác, âm tiết là vấn đề rất quan trọng vì việc nghiên cứu âm vị bắt đầu từ âm tiết.

Âm tiết tiếng Việt có những đặc điểm cơ bản sau:

– Trong tiếng Việt, ranh giới giữa âm tiết và hình vị thường trùng nhau. Ví dụ: *nóng nực* gồm 2 âm tiết *nóng* và *nực* (nếu xét về phát âm); gồm 2 hình vị *nóng* và *nực* (nếu xét về cấu tạo từ)⁽¹⁾. Trong các ngôn ngữ biến hình, ranh giới hình vị và âm tiết thường không trùng nhau. Ví dụ: trong tiếng Anh, từ *books* (những quyển sách) gồm hai hình vị “*book*” và “*s*”, nhưng chỉ có một âm tiết [bu:ks], hoặc từ *reading* (đang đọc) gồm hai hình vị *read* /ri:d/, *ing* /iŋ/ và hai âm tiết là: *ri* [ri:] và *din* [diŋ]; trong tiếng Nga, từ *домик* (ngôi nhà nhỏ) có 2 âm tiết: [do] (*do*) và [meek] (*мик*), còn hình vị lại là: /dom/ (*дом*) và /eek/ (*ук*). Ranh giới giữa âm tiết và hình vị không trùng nhau.

– Âm tiết tiếng Việt có tính đơn lập cao. Mỗi âm tiết tạo thành một khối thống nhất khiến cho ranh giới giữa chúng được xác định rất rạch ròi, dứt khoát. Các âm tiết được đọc tách bạch, không có hiện tượng đọc nối âm như ngôn ngữ châu Âu (ví dụ: hai âm tiết *im ắng* không thể phát âm thành *i mắng*, *đọc à* không thể đọc thành *độ cà*, *xem ô tô* khác *xe mô tô*)⁽²⁾. Khi viết, các âm tiết được viết tách rời nhau. Vì vậy, với người Việt, việc nhận diện âm tiết trong một chuỗi lời nói hay một chuỗi văn tự đều dễ dàng.

– Trong tiếng Việt, độ dài của các âm tiết bằng nhau. Chẳng hạn, âm tiết *san* và *săn* có thời gian phát âm như nhau mặc dù trong nội bộ của chúng có âm khác nhau về độ dài (*a* trong *san* là âm dài, *ă* trong *săn* là âm ngắn); hay các âm tiết *à*, *an*, *oan*, và *xoan* có độ dài

⁽¹⁾ Các trường hợp *bù nhìn*, *thường luông*, *ba ba*, *chuồn chuồn*, *đu đủ*... gồm nhiều âm tiết nhưng chỉ là 1 hình vị. Điều đó cũng có nghĩa rằng trong tiếng Việt, âm tiết bằng hoặc nhỏ hơn hình vị (không thể lớn hơn).

⁽²⁾ Trong tiếng Anh, hiện tượng đọc nối âm thường gặp. VD: *get up* đọc là *getup*. Biểu hiện trên chữ viết, các âm tiết tiếng Việt được viết tách nhau. VD: *thầy giáo*; trong khi tiếng Anh, *teacher* không viết là *tea cher*, *running* không viết là *run ning*, v.v...